

「체육, 스포츠법」

[법률 제77/2006/QH11호, 2006.11.29., 제정]

[법률 제26/2018/QH14호, 2018.6.14., 일부개정]

□ 개 요

베트남 「체육, 스포츠법」은 2006년 11월 29일 베트남 사회주의 공화국 제11대 국회 제10차 회기에 통과되어 2007년 7월 1일부로 시행되었으며, 이 법의 일부개정법인 「체육, 스포츠법의 일부조항 개정법」 제26/2018/QH14호가 2018년 6월 14일 제14대 국회 제5차 회기에 통과되었다. 이 법은 총 9장 78조로 이루어져 있으며, 체육·스포츠 조직 및 활동, 체육·스포츠 활동에 참여하는 개인, 단체의 권리 및 의무에 관하여 규정하고 있다. 또한 이 법의 적용범위는 베트남에서 체육·스포츠 활동에 참여하는 개인 및 단체, 체육·스포츠 활동에 관련된 개인, 단체로 정하고 있다.

□ 목 차

원문	번역문
Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	제1장 총칙 제1조 적용범위

Điều 2. Đối tượng áp dụng Điều 3. Áp dụng Luật thể dục, thể thao Điều 4. Chính sách của Nhà nước về phát triển thể dục, thể thao Điều 5. Cơ quan quản lý nhà nước về thể dục, thể thao Điều 6. Nội dung quản lý nhà nước về thể dục, thể thao Điều 7. Thanh tra thể dục, thể thao Điều 8. Khiếu nại, tố cáo trong hoạt động thể dục, thể thao Điều 9. Thông tin, tuyên truyền về thể dục, thể thao Điều 10. Những hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động thể dục, thể thao Chương II THỂ DỤC, THỂ THAO CHO MỌI NGƯỜI Mục 1. THỂ DỤC, THỂ THAO QUẦN CHÚNG Điều 11. Phát triển thể dục, thể thao quần chúng Điều 12. Phong trào thể dục, thể thao quần chúng Điều 13. Thẩm quyền quyết định tổ chức giải thể thao quần chúng Điều 14. Thể dục, thể thao cho người khuyết tật Điều 15. Thể dục, thể thao cho người cao tuổi Điều 16. Thể dục phòng bệnh, chữa bệnh Điều 17. Các môn thể thao dân	제2조 적용대상 제3조 체육, 스포츠법의 적용 제4조 체육, 스포츠 발전에 관한 국가의 정책 제5조 체육, 스포츠에 관한 국가 관리기관 제6조 체육, 스포츠에 관한 국가 관리 내용 제7조 체육, 스포츠 감사 제8조 체육, 스포츠 활동 분야의 이의신청, 고소 제9조 체육, 스포츠에 관한 정보, 선전 제10조 체육, 스포츠 활동 분야의 엄금 행위 제2장 대중체육, 스포츠 제1절 대중체육, 스포츠 제11조 대중체육, 스포츠 발전 제12조 대중체육, 스포츠 장려운동 제13조 대중스포츠 대회 조직 결정 심사권 제14조 장애인을 위한 체육, 스포츠 제15조 고령자를 위한 체육, 스포츠 제16조 질병을 예방, 치료하는 체육 제17조 민족스포츠 종목
--	---

tộc Điều 18. Thể thao giải trí Điều 19. Thể thao quốc phòng Mục 2. GIÁO DỤC THỂ CHẤT VÀ THỂ THAO TRONG NHÀ TRƯỜNG Điều 20. Giáo dục thể chất và thể thao trong nhà trường Điều 21. Trách nhiệm của Nhà nước đối với giáo dục thể chất và thể thao trong nhà trường Điều 22. Trách nhiệm của nhà trường Điều 23. Quyền và nghĩa vụ của giáo viên, giảng viên thể dục thể thao Điều 24. Quyền và nghĩa vụ của người học Điều 25. Thi đấu thể thao trong nhà trường Điều 26. Trách nhiệm của Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và các tổ chức xã hội – nghề nghiệp về thể thao Mục 3. THỂ DỤC, THỂ THAO TRONG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG Điều 27. Hoạt động thể dục, thể thao trong lực lượng vũ trang Điều 28. Trách nhiệm của cơ quan nhà nước đối với thể dục, thể thao trong lực lượng vũ trang Điều 29. Trách nhiệm của các đơn vị trong lực lượng vũ trang Điều 30. Quyền và nghĩa vụ của cán bộ, chiến sỹ Chương III	제18조 여가스포츠 제19조 국방스포츠 제2절 교내의 체질 및 스포츠 교육 제20조 교내의 체질 및 스포츠 교육 제21조 교내의 체질 및 스포츠 교육에 대한 국가의 책임 제22조 학교의 책임 제23조 체육, 스포츠 교사, 강사의 권리 및 의무 제24조 학습자의 권리 및 의무 제25조 교내의 스포츠 경기 제26조 스포츠에 관한 호찌민 공산청년단 및 사회-직업단체의 책임 제3절 군대, 공안의 체육, 스포츠 제27조 군대, 공안의 체육, 스포츠 활동 제28조 군대, 공안의 체육, 스포츠에 대한 국가기관의 책임 제29조 군대,公安 각 단위의 책임 제30조 간부, 병사의 권리 및 의무 제3장
---	--



THỂ THAO THÀNH TÍCH CAO

Mục 1. THỂ THAO THÀNH TÍCH CAO

Điều 31. Phát triển thể thao thành tích cao

Điều 32. Quyền và nghĩa vụ của vận động viên thể thao thành tích cao

Điều 33. Quyền và nghĩa vụ của huấn luyện viên thể thao thành tích cao

Điều 34. Quyền và nghĩa vụ của trọng tài thể thao thành tích cao

Điều 35. Đội thể thao quốc gia, đoàn thể thao quốc gia

Điều 36. Tiêu chuẩn vận động viên đội thể thao quốc gia

Điều 37. Giải thể thao thành tích cao

Điều 38. Thẩm quyền quyết định tổ chức giải thể thao thành tích cao

Điều 38a. Thẩm quyền ban hành luật thi đấu của môn thể thao

Điều 39. Thẩm quyền ban hành điều lệ giải thể thao thành tích cao

Điều 40. Thủ tục đăng cai tổ chức giải thể thao thành tích cao

Điều 41. Công nhận thành tích thi đấu thể thao thành tích cao

Điều 42. Đăng cấp vận động viên, huấn luyện viên, trọng tài thể thao thành tích cao

Điều 43. Tiêu chuẩn cơ sở vật chất, trang thiết bị cho tập luyện và thi đấu thể thao thành tích cao

성적이 우수한 스포츠

제1절 성적이 우수한 스포츠

제31조 성적이 우수한 스포츠의 발전

제32조 성적이 우수한 스포츠 선수의 권리 및 의무

제33조 성적이 우수한 스포츠 감독의 권리 및 의무

제34조 성적이 우수한 스포츠 심판의 권리 및 의무

제35조 국가 스포츠팀, 국가 스포츠단

제36조 국가 스포츠팀 선수의 기준

제37조 성적이 우수한 스포츠 대회

제38조 성적이 우수한 스포츠 대회 실시 결정 심사권

제38a조 스포츠 종목의 경기규칙 공포권

제39조 성적이 우수한 스포츠 대회 조례 공포 심사권

제40조 성적이 우수한 스포츠

제41조 성적이 우수한 스포츠 경기 성적의 공인

제42조 성적이 우수한 스포츠 선수, 감독, 심판의 등급

제43조 성적이 우수한 스포츠 훈련 및 경기를 위한 시설, 설비 기준

Mục 2. THỂ THAO CHUYÊN NGHIỆP Điều 44. Phát triển thể thao chuyên nghiệp Điều 45. Quyền và nghĩa vụ của vận động viên chuyên nghiệp Điều 46. Quyền và nghĩa vụ của huấn luyện viên chuyên nghiệp Điều 47. Chuyển nhượng vận động viên chuyên nghiệp Điều 48. Hợp đồng chuyển nhượng vận động viên chuyên nghiệp Điều 49. Câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp Điều 50. Điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp Điều 51. Trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh, tạm ngừng kinh doanh, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, giải thể, phá sản câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp Điều 52. Nhiệm vụ, quyền hạn của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp Điều 53. Quyền sở hữu đối với giải thể thao thành tích cao và giải thể thao chuyên nghiệp Chương IV CƠ SỞ THỂ THAO Điều 54. Loại hình cơ sở thể thao Điều 55. Điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của doanh nghiệp Điều 56. Hộ kinh doanh và các tổ chức khác kinh doanh hoạt động	제2절 프로 스포츠 제44조 프로 스포츠 발전 제45조 프로 선수의 권리 및 의무 제46조 프로 감독의 권리 및 의무 제47조 프로 선수의 이적 제48조 프로 선수의 이적 계약 제49조 프로 스포츠 클럽 제50조 프로 스포츠 클럽의 스포츠 사업활동 조건 제51조 프로 스포츠 클럽의 사업 등록, 사업 휴업, 분할, 분리, 통합, 합병, 전환, 해산, 파산 절차, 수속 제52조 프로 스포츠 클럽의 임무, 권한 제53조 성적이 우수한 스포츠 대회 및 프로 스포츠 대회에 대한 소유권 제4장 스포츠 시설 제54조 스포츠 시설의 유형 제55조 기업의 스포츠 운영사업 조건 제56조 가족사업 및 스포츠 운영 사업을 하는 기타 단체
--	--

thể thao Điều 57. Đơn vị sự nghiệp thể thao Điều 58. Đình chỉ hoạt động, sáp nhập, chia, tách, hợp nhất, giải thể đơn vị sự nghiệp thể thao Điều 59. Nhiệm vụ, quyền hạn của trung tâm đào tạo, huấn luyện vận động viên thể thao Điều 60. Nhiệm vụ, quyền hạn của trung tâm hoạt động thể thao, cơ sở dịch vụ hoạt động thể thao Điều 61. Trường năng khiếu thể thao Điều 62. Nhiệm vụ, quyền hạn của trường năng khiếu thể thao Điều 63. Quyền và nghĩa vụ của học sinh trường năng khiếu thể thao Chương V NGUỒN LỰC PHÁT TRIỂN THỂ DỤC, THỂ THAO Điều 64. Nguồn tài chính cho thể dục, thể thao Điều 65. Đất đai dành cho thể dục, thể thao Điều 66. Nhân lực cho phát triển thể dục, thể thao Điều 67. Quỹ hỗ trợ phát triển tài năng thể thao Điều 67a. Đặt cược thể thao Chương VI ỦY BAN Ô-LIM-PÍCH VIỆT NAM VÀ TỔ CHỨC XÃ HỘI – NGHỀ NGHIỆP VỀ THỂ THAO	제57조 스포츠 사업단위 제58조 스포츠 사업단위의 활동 정지, 합병, 분할, 분리, 통합, 해산 제59조 스포츠 선수 양성, 훈련센터의 임무, 권한 제60조 스포츠 운영센터, 스포츠 운영서비스시설의 임무, 권한 제61조 스포츠 특성화 학교 제62조 스포츠 특성화 학교의 임무, 권한 제63조 스포츠 특성화 학교 학생의 권한 및 의무 제5장 체육, 스포츠 발전자원 제64조 체육, 스포츠를 위한 재원 제65조 체육, 스포츠 용지 제66조 체육, 스포츠 발전을 위한 인력 제67조 스포츠 재능계발지원기금 제67a조 스포츠 도박 제6장 베트남 올림픽위원회 및 스포츠에 관한 사회-직업단체
---	--

Mục 1. ỦY BAN Ô-LIM-PÍCH VIỆT NAM Điều 68. Ủy ban Ô-lim-pích Việt Nam Điều 69. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban Ô-lim-pích Việt Nam Mục 2. TỔ CHỨC XÃ HỘI – NGHỀ NGHIỆP VỀ THỂ THAO Điều 70. Liên đoàn thể thao quốc gia Điều 71. Quyền và nghĩa vụ của liên đoàn thể thao quốc gia Điều 72. Các tổ chức xã hội – nghề nghiệp về thể thao ngành, địa phương Điều 73. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức xã hội – nghề nghiệp về thể thao ngành, địa phương Chương VII HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ THỂ THAO Điều 74. Nguyên tắc hợp tác quốc tế về thể thao Điều 75. Nội dung hợp tác quốc tế về thể thao Chương VIII KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM Điều 76. Khen thưởng đối với tổ chức, cá nhân có thành tích đóng góp cho sự nghiệp thể dục, thể thao Điều 77. Xử lý vi phạm Chương IX	제1절 베트남 올림픽위원회 제68조 베트남 올림픽위원회 제69조 베트남 올림픽위원회의 임무, 권한 제2절 스포츠에 관한 사회-직업단체 제70조 국가 스포츠연맹 제71조 국가 스포츠연맹의 권리 및 의무 제72조 스포츠 분야, 지방 스포츠에 관한 사회-직업단체 제73조 스포츠 분야, 지방 스포츠에 관한 사회-직업단체의 권리 및 의무 제7장 스포츠에 관한 국제협력 제74조 스포츠에 관한 국제협력 원칙 제75조 스포츠에 관한 국제협력 내용 제8장 포상 및 위반처분 제76조 체육, 스포츠 사업을 위하여 기여한 업적이 있는 개인, 단체에 대한 포상 제77조 위반처분 제9장
---	---

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH
 Điều 78. Hiệu lực thi hành

시행조항
 제78조 시행효력